

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 10 GÂY RA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 09/2025/NĐ-CP

TT	Đơn vị	Tổng giá trị thiệt hại	Thiệt hại trên 70%					Thiệt hại từ 30% đến 70%					Kinh phí hỗ trợ			Số QD hỗ trợ	Ghi chú	
			Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	Diện tích vườn giống, rừng giống	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:		Tổng NSNN hỗ trợ	Trong đó				
						Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi				Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi		Ngân sách Trung ương	NSDP đảm bảo			
		tr.đồng	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	tr.đồng	tr.đồng	tr.đồng			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	-28		
	Xã Sơn Hồng	1.808.180,000	0	0,000	0	0	0	329,6	64,6	0	0	0	1.808.180,000					
1	Thôn 1	68.550,000						14,7	1,3				68.550,000					
1	Đình Văn Thống	9.750,000							1,3				9.750,000					
3	Phan Văn Bé	4.000,000						1,0					4.000,000					
5	Phan Xuân Linh	11.200,000						2,8					11.200,000					
7	Đặng Thị Kim	10.400,000						2,6					10.400,000					
6	Nguyễn Thị Tâm	33.200,000						8,3					33.200,000					
2	Thôn 3	43.460,000						8,24	1,40				43.460,000					
1	Phạm Văn Quang	4.400,000						1,1					4.400,000					
2	Nguyễn Lương Bằng	10.500,000							1,40				10.500,000					
3	Lê Đức Nhân	9.600,000						2,40					9.600,000					
4	Lê Thị Vân	3.920,000						0,98					3.920,000					
5	Lê Thành Đạt	3.840,000						0,96					3.840,000					
6	Trần Xuân Cừ	9.200,000						2,30					9.200,000					
7	Phan Xuân Thành	2.000,000						0,50					2.000,000					
3	Thôn 4	361.485,000						81,24	4,87				361.485,000					
1	Nguyễn Hồng Thái	10.400,000						2,6					10.400,000					
2	Nguyễn Văn Việt	6.750,000							0,90				6.750,000					
3	Nguyễn Thị Chúi	6.800,000						1,70					6.800,000					
4	Hồ Chí Thanh	21.200,000						5,30					21.200,000					
5	Lê Văn Đình	12.000,000						3,0					12.000,000					
6	Trần Thanh Luận	9.600,000						2,40					9.600,000					
7	Nguyễn Đình Hóa	3.600,000						0,90					3.600,000					
8	Nguyễn Đình Thuận	4.000,000						1,00					4.000,000					
9	Nguyễn Ngọc Sơn	4.680,000						1,17					4.680,000					
10	Đoàn Hiệ	4.400,000						1,10					4.400,000					
11	Trần Đình Liên	8.475,000							1,13				8.475,000					
12	Trần Tiên Sỹ	17.600,000						4,4					17.600,000					
13	Nguyễn Xuân Mâu	13.240,000						3,31					13.240,000					
14	Hồ Sỹ Quỳnh	3.080,000						0,77					3.080,000					
15	Hồ Văn Kỳ	9.200,000						2,30					9.200,000					
16	Đoàn Văn Hồng	9.480,000						2,37					9.480,000					
17	Cao Hữu Chân	8.850,000							1,180				8.850,000					

18	Nguyễn Trọng Việt	5.480.000					1,37					5.480.000		
19	Đặng Chí Kiên	2.760.000					0,69					2.760.000		
20	Đặng Chí Kiên	15.600.000					3,90					15600.000		
21	Nguyễn Xuân Thủy	18.400.000					4,6					18.400.000		
22	Hồ Trọng Phúc	15.200.000					3,8					15.200.000		
23	Nguyễn Thị Thuyền	12.000.000					3,00					12.000.000		
24	Trần Thị Soa	18.400.000					4,60					18.400.000		
25	Nguyễn Thị Xuân	10.720.000					2,68					10.720.000		
26	Trần Đình Liên	9.440.000					2,36					9.440.000		
27	Lê Văn Quỳnh	16.480.000					4,12					16.480.000		
28	Nguyễn Khánh Toàn	3.480.000					0,87					3.480.000		
29	Nguyễn Thị Hải	10.520.000					2,63					10.520.000		
30	Đoàn Văn Hùng	12.450.000						1,66				12.450.000		
31	Trần Công Linh	5.600.000					1,40					5.600.000		
32	Nguyễn Huy Hoàng	6.800.000					1,70					6.800.000		
33	Nguyễn Huy Hoàng	12.000.000					3,0					12.000.000		
34	Nguyễn Thị Hiền	8.400.000					2,1					8.400.000		
35	Nguyễn Thị Hà	3.600.000					0,9					3.600.000		
36	Nguyễn Thị Hà	8.800.000					2,2					8.800.000		
37	Trần Ngọc Phi	12.000.000					3,00					12.000.000		
4	Thôn 5	130.120.000					32,53	0,00				130.120.000		
1	Nguyễn Anh Dương	15.920.000					3,98					15.920.000		
2	Lê Tiên Chương	16.440.000					4,11					16.440.000		
3	Lê Tĩnh	10.720.000					2,68					10.720.000		
4	Nguyễn Thuyền	5.000.000					1,25					5.000.000		
5	Đoàn Văn Tạo	5.480.000					1,37					5.480.000		
6	Hồ Đình Chiến	15.560.000					3,89					15.560.000		
7	Phạm Văn Thịnh	2.200.000					0,55					2.200.000		
8	Nguyễn Phan Tuyên	20.000.000					5,00					20.000.000		
9	Nguyễn Văn Tĩnh	19.600.000					4,90					19.600.000		
10	Lê Quốc Bắc	6.000.000					1,50					6.000.000		
11	Đặng Văn Quỳnh	13.200.000					3,3					13.200.000		
5	Thôn 6	203.200.000					50,8					203.200.000		
1	Lê Khắc Chính	7.600.000					1,9					7.600.000		
2	Lê Khắc Chín	4.400.000					1,1					4.400.000		
3	Trần Văn Hóa	20.400.000					5,1					20.400.000		
4	Lê Văn Chín	29.600.000					7,4					29.600.000		
5	Nguyễn Văn Minh	6.800.000					1,7					6.800.000		
6	Lê Văn Chuyên	19.600.000					4,9					19.600.000		
7	Trần Đình Tuấn	12.400.000					3,1					12.400.000		
8	Trần Văn Hoành	18.800.000					4,7					18.800.000		
9	Nguyễn Văn Sáng	8.400.000					2,1					8.400.000		
10	Lương Đình Hiền	15.200.000					3,8					15.200.000		
11	Lương Đình Huân	8.000.000					2,0					8.000.000		
12	Trần Tiên Dũng	9.600.000					2,4					9.600.000		
13	Trần Tiên Dũng	14.400.000					3,6					14.400.000		
14	Nguyễn Văn Quốc	9.200.000					2,3					9.200.000		
15	Nguyễn Văn Quốc	6.400.000					1,6					6.400.000		
16	Phạm Thị Vân	12.400.000					3,1					12.400.000		
6	Thôn 7	31.550.000					1,7	3,3				31.550.000		
1	Nguyễn Văn Nhâm	3.750.000						0,5				3.750.000		
2	Nguyễn Thị Thanh	3.000.000						0,4				3.000.000		
3	Nguyễn Thị Lan	1.200.000					0,3					1.200.000		
4	Nguyễn Văn An	1.600.000					0,4					1.600.000		
5	Lê Văn Đông	1.200.000					0,3					1.200.000		
6	Phạm Thăng Lý	2.250.000						0,3				2.250.000		
7	Phạm Hồng Dương	2.250.000						0,3				2.250.000		
8	Phạm Thị Nhỏ	2.250.000						0,3				2.250.000		

9	Nguyễn Xuân Huy	2.250,000						0,3				2.250,000		
10	Nguyễn Văn Minh	1.600,000						0,4				1.600,000		
11	Phạm Chí Thanh	1.200,000						0,3				1.200,000		
12	Lê Văn Lộc	3.000,000							0,4			3.000,000		
13	Nguyễn Văn Long	2.250,000							0,3			2.250,000		
14	Hồ Văn Hương	3.750,000							0,5			3.750,000		
7	Thôn 8	259.800,000							34,6			259.800,000		
1	Nguyễn Ngọc Anh	12.000,000							1,6			12.000,000		
2	Nguyễn Đình Luân	30.750,000							4,1			30.750,000		
3	Nguyễn Văn Hồng	42.750,000							5,7			42.750,000		
4	Nguyễn Văn Đức	29.250,000							3,9			29.250,000		
5	Nguyễn Văn Giáo	3.000,000							0,4			3.000,000		
6	Nguyễn Văn Giáo	30.000,000							4,0			30.000,000		
7	Lê Quốc Toàn	27.750,000							3,7			27.750,000		
8	Nguyễn Văn Lâm	16.500,000							2,2			16.500,000		
9	Nguyễn Đình Phúc	52.800,000							7,0			52.800,000		
10	Nguyễn Hữu Từ	15.000,000							2,0			15.000,000		
8	Thôn 9	123.070,000						22,02	3,9			123.070,000		
1	Phan Văn Công	5.200,000						1,3				5.200,000		
2	Phan Văn Công	3.600,000						0,9				3.600,000		
3	Trần Thị Yên	10.760,000						2,69				10.760,000		
4	Phan Văn Khai	5.200,000						1,25				5.000,000		
5	Phan Văn Khai	9.750,000							1,30			9.750,000		
6	Nguyễn Công Minh	6.480,000						1,62				6.480,000		
7	Nguyễn Xuân Lý	7.040,000						1,76				7.040,000		
8	Hoàng Công Tĩnh	3.720,000						0,93				3.720,000		
9	Đặng Quốc Tinh	4.840,000						1,21				4.840,000		
10	Nguyễn Thị Hương	5.440,000						1,36				5.440,000		
11	Nguyễn Thị Hương	5.800,000						1,45				5.800,000		
12	Nguyễn Trọng Hùng	6.160,000						1,54				6.160,000		
13	Lê Thị Nguyệt	8.550,000							1,14			8.550,000		
14	Bùi Quang	4.280,000						1,07				4.280,000		
15	Bùi Quang	11.250,000							1,50			11.250,000		
16	Phan Thị Thảo	4.000,000						1,00				4.000,000		
17	Phan Thị Thảo	6.000,000						1,50				6.000,000		
18	Lê Thị Huệ	10.000,000						2,50				10.000,000		
19	Lê Thị Huệ	5.200,000						1,30				5.200,000		
9	Thôn 12	165.155,000						27,62	7,29			165.155,000		
1	Nguyễn Văn Vy	26.475,000							3,53			26.475,000		
2	Phạm Hồng Sơn	11.600,000						2,9				11.600,000		
3	Phạm Thị Thanh	800,000						0,20				800,000		
4	Nguyễn Thị Hương	4.400,000						1,1				4.400,000		
5	Nguyễn Đình Huân	10.400,000						2,6				10.400,000		
6	Lê Đức Toàn	4.400,000						1,1				4.400,000		
7	Nguyễn Hữu Hiệp	10.800,000						2,7				10.800,000		
8	Nguyễn Đăng Luân	6.800,000						1,7				6.800,000		
9	Phạm Thị Liên	11.600,000						2,9				11.600,000		
10	Phạm Ngọc Tú	3.800,000						0,95				3.800,000		
11	Nguyễn Anh Chương	4.400,000						1,1				4.400,000		
12	Phạm Thanh Dân	4.950,000							0,66			4.950,000		
13	Nguyễn Anh Đức	10.000,000						2,5				10.000,000		
14	Hà Huy Việt	14.250,000							1,90			14.250,000		
15	Nguyễn Thị Hà	3.720,000						0,93				3.720,000		
16	Nguyễn Tiên Dũng	4.400,000						1,1				4.400,000		
17	Phạm Duy Hòa	6.400,000						1,6				6.400,000		
18	Phạm Văn Thành	4.560,000						1,14				4.560,000		
19	Lê Đức Toàn	6.800,000						1,7				6.800,000		

QĐ số /NB-CP ngày 10/10/2025 của UBND xã Sơn Hồng về việc Phê duyệt danh sách, số tiền thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất thiết hại do bão

20	Phan Phương	5.600,000					1,4					5.600,000		
21	Lê Văn Bình	9.000,000						1,2				9.000,000		
10	Thôn 14	281.870,000					55,73	7,86				281.870,000		
1	Lương Văn Kiên	4.640,000					1,16					4.640,000		
2	Cao Bá Hoat	11.200,000					2,80					11.200,000		
3	Phan Xuân Phúc	5.760,000					1,44					5.760,000		
4	Phan Xuân Bình	6.040,000					1,51					6.040,000		
5	Phạm Mạnh Tường	8.160,000					2,04					8.160,000		
6	Phạm Việt Ngọc	4.480,000					1,12					4.480,000		
7	Cao Đình Lam	13.360,000					3,34					13.360,000		
8	Nguyễn Văn Hợi	7.200,000					1,8					7.200,000		
9	Nguyễn Văn Hợi	14.800,000					3,7					14.800,000		
10	Phạm Kiên	12.960,000					3,24					12.960,000		
11	Đình Văn Phi	4.680,000					1,17					4.680,000		
12	Phan Xuân Phước	10.500,000						1,40				10.500,000		
13	Nguyễn Thị Xanh	6.900,000						0,92				6.900,000		
14	Nguyễn Đình Túc	38.250,000						5,10				38.250,000		
15	Phạm Thị Khuyên	280,000					0,07					280,000		
16	Phạm Hồng Toại	4.000,000					1,00					4.000,000		
17	Phan Hồng Thuyết	5.200,000					1,30					5.200,000		
18	Đình Văn Cơ	5.200,000					1,30					5.200,000		
19	Trần Nhật Lê	4.400,000					1,10					4.400,000		
20	Cao Việt Thăng	17.160,000					4,29					17.160,000		
21	Hà Văn Sư	3.300,000						0,44				3.300,000		
22	Phạm Văn Tài	4.040,000					1,01					4.040,000		
23	Phạm Đình Thanh	1.640,000					0,41					1.640,000		
24	Nguyễn Văn Hải	5.600,000					1,40					5.600,000		
25	Lê Thị Huệ	2.800,000					0,70					2.800,000		
26	Hà Văn Nam	9.120,000					2,28					9.120,000		
27	Hà Sỹ Nhật	9.600,000					2,40					9.600,000		
28	Nguyễn Quang Thạch	14.800,000					3,70					14.800,000		
29	Nguyễn Ngọc Anh	7.600,000					1,90					7.600,000		
30	Phan Văn Kính	5.200,000					1,30					5.200,000		
31	Hồ Thị Thuận	5.600,000					1,40					5.600,000		
32	Phan Xuân Thăng	9.320,000					2,33					9.320,000		
33	Phan Xuân Thăng	3.600,000					0,90					3.600,000		
34	Nguyễn Huy Hàn	9.240,000					2,31					9.240,000		
35	Phạm Văn Học	2.680,000					0,67					2.680,000		
36	Lê Văn Thành	2.560,000					0,64					2.560,000		
	Thôn 15	122.360,000					30,59					122.360,000		
1	Đình Nho Định	1.440,000					0,36					1.440,000		
2	Nguyễn Đình Tứ	1.200,000					0,30					1.200,000		
3	Nguyễn Thị Hòe	1.160,000					0,29					1.160,000		
4	Phạm Hồng Dỵ	2.080,000					0,52					2.080,000		
5	Tông Trần Công	2.400,000					0,60					2.400,000		
6	Nguyễn Trọng Khoa	2.400,000					0,60					2.400,000		
7	Nguyễn Văn Trinh	800,000					0,20					800,000		
8	Nguyễn Trọng Khoa	1.240,000					0,31					1.240,000		
9	Đầu Trọng Nghĩa	1.840,000					0,46					1.840,000		
10	Lê Sỹ Hòe	1.320,000					0,33					1.320,000		
11	Phan Văn Phần	1.760,000					0,44					1.760,000		
12	Cao Xuân Anh	1.040,000					0,26					1.040,000		
13	Phạm Thị Nhung	2.080,000					0,52					2.080,000		
14	Nguyễn Đình Tô	1.400,000					0,35					1.400,000		
15	Ngô Thái Tuấn	1.240,000					0,31					1.240,000		
16	Tông Trần Tài	2.000,000					0,50					2.000,000		
17	Nguyễn Hữu Thành	1.760,000					0,44					1.760,000		
18	Đình Nho Cảnh	2.160,000					0,54					2.160,000		

19	Đình Nho Hùng	920,000						0,23					920,000		
20	Tông Trần Hương	2.480,000						0,62					2.480,000		
21	Nguyễn Đình Chiến	920,000						0,23					920,000		
22	Ngô Lâm	1.120,000						0,28					1.120,000		
23	Nguyễn Xuân Nha	3.280,000						0,82					3.280,000		
24	Nguyễn Trọng Thìn	2.520,000						0,63					2.520,000		
25	Cao Văn Hòa	760,000						0,19					760,000		
26	Trần Văn Cường	2.600,000						0,65					2.600,000		
27	Phạm Đình Mậu	880,000						0,22					880,000		
28	Vô Văn Hòa	2.680,000						0,67					2.680,000		
29	Đình Nho Trị	2.640,000						0,66					2.640,000		
30	Tông Trần Thành	2.200,000						0,55					2.200,000		
31	Lê Thị Thanh Hóa	1.040,000						0,26					1.040,000		
32	Văn Thị Thái	800,000						0,20					800,000		
33	Đình Nho Hiền	1.120,000						0,28					1.120,000		
34	Trần Văn Đức	1.280,000						0,32					1.280,000		
35	Thái Hữu Sinh	1.760,000						0,44					1.760,000		
36	Trần Đình Quý	1.480,000						0,37					1.480,000		
37	Trần Đình Quý	1.120,000						0,28					1.120,000		
38	Trần Thăng Long	1.960,000						0,49					1.960,000		
39	Trần Anh Dũng	1.640,000						0,41					1.640,000		
40	Trần Khánh Lâm	1.600,000						0,40					1.600,000		
41	Nguyễn Đức Long	1.680,000						0,42					1.680,000		
42	Thái Ngọc Sơn	1.560,000						0,39					1.560,000		
43	Lê Thị Lan	1.640,000						0,41					1.640,000		
44	Lê Thành Công	920,000						0,23					920,000		
45	Trần Trọng Minh	1.920,000						0,48					1.920,000		
46	Nguyễn Huy Hoàng	1.960,000						0,49					1.960,000		
47	Thái Khắc Trường	1.840,000						0,46					1.840,000		
48	Trần Kim Quý	3.200,000						0,80					3.200,000		
49	Nguyễn Thị Linh	1.920,000						0,48					1.920,000		
50	Dương Thị Ngọc	1.840,000						0,46					1.840,000		
51	Trần Thị Xuân	1.200,000						0,30					1.200,000		
52	Lê Việt Mạnh	1.680,000						0,42					1.680,000		
53	Đình Thị Anh	3.200,000						0,80					3.200,000		
54	Trần Xuân Dũng	2.160,000						0,54					2.160,000		
55	Nguyễn Thị Minh	3.080,000						0,77					3.080,000		
56	Trần Thị Xuân	1.200,000						0,30					1.200,000		
57	Lê Việt Mạnh	1.680,000						0,42					1.680,000		
58	Đình Thị Anh	3.200,000						0,80					3.200,000		
59	Trần Xuân Dũng	2.160,000						0,54					2.160,000		
60	Nguyễn Thị Minh	1.880,000						0,47					1.880,000		
61	Nguyễn Đình Luyện	1.200,000						0,30					1.200,000		
62	Nguyễn Văn Hùng	1.360,000						0,34					1.360,000		
63	Nguyễn Tiên Dũng	1.960,000						0,49					1.960,000		
64	Nguyễn Đình Bảo	1.280,000						0,32					1.280,000		
65	Nguyễn Đình Thao	1.760,000						0,44					1.760,000		
66	Nguyễn Văn Dương	1.200,000						0,30					1.200,000		
67	Nguyễn Thị Loan	1.200,000						0,30					1.200,000		
68	Thái Văn Minh	2.600,000						0,65					2.600,000		
69	Nguyễn Văn Tâm	1.760,000						0,44					1.760,000		
70	Phạm Trọng Thìn	1.000,000						0,25					1.000,000		
71	Phan Duy Mậu	1.000,000						0,25					1.000,000		
11	Thôn 18	17.560,000						4,39					17.560,000		
1	Đường Đức Quang	2.400,000						0,6					2.400,000		
2	Tô Trí Huân	3.600,000						0,90					3.600,000		
3	Phan Xuân Mạnh	1.280,000						0,32					1.280,000		
4	Nguyễn Thị Mậu	3.240,000						0,81					3.240,000		
5	Tô Quang Nhiệm	3.240,000						0,81					3.240,000		

